

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ LÁCH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10-6-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thành.

Bà Trương Ngọc Phiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04 tháng 5 năm 2020).

*2/ Bị đơn:* Ông Lư Văn Đ - Sinh năm: 1969.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Lư Văn Đ tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/10/2003 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Ông bà chung sống được hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau, thường cự cãi, mỗi người có cuộc sống riêng và ông bà đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

+ Về con: Bà và ông Đ có một người con chung là Lư Hoàng Minh T - Sinh ngày 15 tháng 7 năm 2001 (hiện người con này đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân) nên bà T không yêu cầu giải quyết gì liên quan đến người con này.

+ Về tài sản, về nợ: Bà T xác định bà và ông Đ không có tài sản chung, không có nợ của ai khoản nợ nào nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn là ông Lư Văn Đ vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có liên quan đến vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “Ly hôn” với ông Lư Văn Đ có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông Lư Văn Đ vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời bà Thủy có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bà T, ông Đ là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà T và ông Đ là phù hợp với quy định của pháp luật. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy giữa bà Thủy và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được. Bên cạnh đó, dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông Đ vẫn vắng mặt, trong khi đó bà T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con: Bà T và ông Đ có một người con chung tên là Lư Hoàng Minh T - Sinh ngày 15 tháng 7 năm 2001 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân); bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về việc cấp dưỡng, về tài sản, về nợ: Ông Đ vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ; bà T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lư Văn Đ.

2/ *Về con:* Bà Nguyễn Thị T và ông Lư Văn Đ có một người con chung tên là Lư Hoàng Minh T - Sinh ngày 15 tháng 7 năm 2001 (đã trưởng thành, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân); bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

3/ *Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ:* Ông Lư Văn Đ vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của ông có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ; bà Nguyễn Thị T không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011071 ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:* Bà Nguyễn Thị T, ông Lư Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

#### **Nơi nhận:**

- Bà Nguyễn Thị T (01 bản);
- Ông Lư Văn Đ (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- UBND xã B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Ngọc Tuyền**

- Lưu: Hồ sơ vụ án<sub>(01 bản)</sub>, Vp<sub>(01 bản)</sub>, Bp<sub>(01 bản)</sub>.